

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 16/2021/DS-ST

Ngày: 08 – 04 - 2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Luận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
không tham gia.

Vào ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2020/TLST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST - DS ngày 25/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bé N, sinh năm 1971 – có mặt

Địa chỉ: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện theo ủy quyền; Anh Nguyễn Khắc H, sinh năm 1990 – có mặt

Địa chỉ ấp A, xã H, huyện T – Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T (chồng), sinh năm 1969 – vắng mặt

Bà Nguyễn Thị L (vợ), sinh năm 1984 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/02/2020 bà N có cho vợ chồng ông T, bà L vay số tiền 221.000.000 đồng, giữa các bên có làm giấy mượn nợ nhưng chỉ có bà L ký tên việc mượn tiền này ông T cũng biết, thời hạn 02 tháng đến ngày 30/4/2020 sẽ hoàn

trả vốn, tuy nhiên đến ngày 01/4/2020 ông T trả được 55.000.000 đồng, còn nợ lại 166.000.000 đồng và có làm biên nhận vào ngày 01/4/2020 do ông T ký tên, hứa 01 tháng sau sẽ hoàn trả đủ số tiền nợ nhưng đến nay ông T và L vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà N.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà L cùng có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 166.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Đức T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng cho bị đơn, nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với chị L.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: đã được công bố tại biên bản ngày 14/01/2021

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không phải chứng minh: không xác định được.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất: không xác định được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự và thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình không phải tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét bị đơn là ông T, bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng không đến, mà nhiều lần vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà L cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ là 166.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ căn cứ vào biên nhận ngày 30/2/2020 và ngày 01/4/2020 thể hiện và lệ và ông T có mượn số tiền 221.000.000 đồng và đã trả được 55.000.000 đồng còn nợ lại 166.000.000 đồng có chữ ký tên của bà L và ông T, mặc khác Tòa án đã tổng đạt cho ông T, bà

L thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng phía ông T, bà L không phản đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà bà N. Buộc ông T, bà L cùng có trách nhiệm trả số tiền 166.000.000 đồng cho bà N, bà N không yêu cầu tính lãi.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên buộc ông T, bà L phải nộp số tiền 8.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.150.000 đồng theo biên lai thu số N^o 0010666 ngày 13/11/2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; Điều 35; khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 và Điều 463; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Bé N.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả số tiền 166.000.000 đồng cho bà Bùi Thị Bé N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông T, bà L phải nộp số tiền 8.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.150.000 đồng theo biên lai thu số N^o 0010666 ngày 13/11/2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày giao hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Ngọc Luận